

Thực trạng đọc nhãn mác thực phẩm của sinh viên Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2022

Cáp Minh Đức^{1*}, Phạm Thị Duyên², Chu Khắc Tân¹, Nguyễn Thị Thuỳ Linh¹, Nguyễn Thị Thắm¹

¹Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
²Bệnh viện Đa khoa Hồng Phúc

Tác giả liên hệ

Cáp Minh Đức
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Điện thoại: 0981403291
Email:
minhduc.ydhp@gmail.com

Thông tin bài đăng

Ngày nhận bài: 15/11/2022
Ngày phản biện: 18/11/2022
Ngày đăng bài: 21/12/2022

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang tiến hành trên 1.120 sinh viên đang học tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, thời gian nghiên cứu từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 05 năm 2022 với mục tiêu mô tả thực trạng đọc nhãn mác thực phẩm của sinh viên. Thông tin được thu thập thông qua bảng câu hỏi tự điền. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nam giới là 35,0%, nữ giới là 65,0%; tuổi trung bình của sinh viên là $21,2 \pm 0,05$ tuổi. Tỷ lệ sinh viên sử dụng thực phẩm đóng gói là 98,5%. Tỷ lệ sinh viên có thói quen đọc nhãn mác trước khi mua thực phẩm là 80,7%. Tỷ lệ sinh viên thường xuyên, luôn luôn ưu tiên mua thực phẩm có nhãn mác lần lượt là 43,8% và 33,0%. Hạn sử dụng là thông tin sinh viên đọc nhiều nhất (84,2%), tiếp đến là tên thực phẩm (82,4%). Tỷ lệ sinh viên không bao giờ, hiếm khi đọc các thông tin dinh dưỡng trên nhãn mác thực phẩm là khoảng 60%. Tỷ lệ sinh viên đọc thông tin dinh dưỡng trên nhãn mác là rất thấp, do đó nhà trường cần thực hiện truyền thông để nâng cao tỷ lệ sinh viên có thói quen đọc thông tin dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Từ khóa: Nhãn mác thực phẩm; sinh viên; Hải Phòng

Survey on reading food labels among students in Haiphong University of Medicine and Pharmacy in 2022

ABSTRACT. A cross-sectional study was conducted on 1.120 students studying at the Hai Phong University of Medicine and Pharmacy from December 2021 to May 2022 aimed to describe the current status of food label reading of students. The data was collected through self-completed questionnaires. The research results showed that the rate of male was 35.0%, female was 65.0%; the average age of students was 21.2 ± 0.05 years old. The percentage of students using packaged food was 98.5%. The percentage of students having a habit of label reading before buying food was 80.7%. The percentage of students who often, always gave priority to buying food with labels was 43.8% and 33.0%, respectively. Expiry date was the most commonly read information by students (84.2%), followed by food names (82.4%). The percentage of students who never, rarely read the nutritional information on food labels was roughly 60%. The rate of students reading nutrition information on labels was very low, so the university needs

to carry out some intervention to increase the percentage of students who have the habit of reading nutrition information on food labels.

Keywords: *Food labels; students; Hai Phong.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Lựa chọn thực phẩm không lành mạnh dẫn đến chế độ ăn uống không hợp lý là một trong những nguyên nhân làm tăng nguy cơ mắc một số bệnh mạn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng như béo phì, đái tháo đường, tăng huyết áp, bệnh tim mạch, loãng xương, sâu răng, ... [1].

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến nghị sử dụng nhãn mác thực phẩm như một chiến lược để hỗ trợ cộng đồng lựa chọn thực phẩm lành mạnh hơn [2]. Việc đọc và hiểu thông tin dinh dưỡng trên nhãn mác thực phẩm đã được chứng minh là giúp cải thiện sự lựa chọn thực phẩm và tạo thói quen ăn uống lành mạnh cho các cá nhân [3].

Nghiên cứu tiến hành tại một trường Đại học ở vùng nông thôn tại Nam Phi năm 2019 cho kết quả 61,0% sinh viên không biết về nội dung trên nhãn mác thực phẩm [4]. Nghiên cứu tại Thái Lan (2019) trên những người tiêu dùng mua sắm ở các siêu thị lớn trên toàn quốc cho thấy chỉ có 11,0% người tiêu dùng có thói quen đọc nhãn mác mỗi khi mua thực phẩm [5]. Tại Việt Nam, theo kết quả nghiên cứu năm 2019 tại 5 tỉnh Hà Nội, Thái Nguyên, Bình Định, Tây Ninh, Đắk Lắk cho thấy 47,3% người tiêu dùng không biết về nhãn dinh dưỡng [6].

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng mỗi năm đào tạo khoảng 3.000 sinh viên đa khoa. Việc xác định thói quen đọc nhãn mác thực phẩm của sinh viên là rất cần thiết bởi họ là những bác sỹ trong tương lai có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng và cũng là người trực tiếp thực hiện công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, cụ thể là tư vấn cho bệnh nhân, cộng đồng lựa chọn thực

phẩm lành mạnh. Xuất phát từ thực trạng đó, bước đầu chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu mô tả thực trạng đọc nhãn mác thực phẩm của sinh viên đa khoa chính quy hệ 6 năm Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2022.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên đa khoa hệ 6 năm đang học tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Loại trừ những sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu, vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Thời gian nghiên cứu từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022, thời gian lấy số liệu từ ngày 15/01/2022 đến ngày 30/02/2022.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu:

Cỡ mẫu nghiên cứu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng cho một tỷ lệ, sử dụng sai số tương đối:

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \frac{p(1-p)}{(p\varepsilon)^2}$$

Trong đó: n: Cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu. Z: Hệ số tin cậy phụ thuộc vào ngưỡng xác suất (chọn $\alpha = 0,05$ với độ tin cậy 95% thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$). ε : Mức sai số tương đối chấp nhận (lấy $\varepsilon = 0,06$). p: Tỷ lệ sinh viên có thói quen đọc nhãn mác thực phẩm (lấy $p = 0,5$). Tính được cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu $n = 1.068$. Thực tế chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 1.120 sinh viên.

Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu cụm, từ Y1 đến Y6 có 54 lớp đa khoa chính quy hệ 6 năm, mỗi lớp là một cụm. Mỗi lớp trung bình có 50 sinh viên vì vậy chúng tôi bốc thăm ngẫu nhiên 21 lớp để phát phiếu phỏng vấn.

Biến số nghiên cứu

Thông tin chung của sinh viên (tuổi, giới tính); sinh viên có/không có thói quen đọc nhãn mác thực phẩm; tần suất đọc nhãn mác thực phẩm; các thông tin sinh viên đọc trên nhãn mác và tần suất đọc các thông tin này.

Tiêu chuẩn đánh giá: Thói quen đọc nhãn mác thực phẩm của sinh viên được đánh giá theo thang đo Likert 5, sinh viên được đánh giá là có thói quen đọc nhãn mác thực phẩm khi thường xuyên hoặc luôn luôn đọc nhãn mác thực phẩm.

Phương pháp và công cụ thu thập thông tin

Thông tin được thu thập bằng phương pháp phát vấn. Tham khảo phiếu điều tra của các nghiên cứu trước [3, 7-9], có chỉnh sửa và bổ

sung cho phù hợp. Phiếu điều tra gồm 02 phần: Thông tin chung của sinh viên; thực hành đọc nhãn mác thực phẩm của sinh viên.

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 và phân tích bằng phần mềm Stata 14.0. Sử dụng thuật toán thống kê mô tả: Các giá trị biến định lượng được trình bày giữa dạng giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất, các giá trị biến định tính được trình bày dưới dạng tần số và tỷ lệ %.

Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được sự đồng ý của Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo Đại học Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Tất cả đối tượng tham gia nghiên cứu được giải thích rõ về mục đích, nội dung và hoàn toàn tự nguyện tham gia nghiên cứu. Mọi thông tin của đối tượng nghiên cứu được bảo mật, chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

KẾT QUẢ

Bảng 1. Thông tin chung của sinh viên (n = 1.120)

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	392
	Nữ	728
Tuổi	18 tuổi	101
	19 tuổi	126
	20 tuổi	180
	21 tuổi	179
	22 tuổi	234
	23 tuổi	196
	24 tuổi	104
$\bar{X} \pm SD$: 21,2 ± 0,05		Min - Max: 18 - 24 tuổi

Nhận xét: Tỷ lệ nam giới là 35,0%, nữ giới là 65,0%. Tuổi trung bình của sinh viên là $21,2 \pm 0,05$ tuổi; sinh viên ở độ tuổi 22 chiếm tỷ lệ cao nhất (20,9%), độ tuổi 18 chiếm tỷ lệ thấp nhất (9,0%).

Bảng 2. Thói quen đọc nhãn mác thực phẩm

Nội dung		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Sử dụng thực phẩm đóng gói (n = 1120)	Có	1103	98,5
	Không	17	1,5
Tần suất sử dụng thực phẩm đóng gói (n = 1103)	Hàng ngày	222	20,1
	Hàng tuần	677	61,4
	Hàng tháng	192	17,4
	Hàng năm	12	1,1
Có thói quen đọc nhãn mác trước khi mua thực phẩm (n = 1120)	Có	904	80,7
	Không	216	19,3
Tần suất đọc nhãn mác thực phẩm (n = 904)	Không bao giờ	5	0,4
	Hiếm khi	226	20,2
	Thi thoảng	546	48,8
	Thường xuyên	259	23,1
	Luôn luôn	84	7,5
Ưu tiên mua thực phẩm có nhãn mác (n = 904)	Không bao giờ	25	2,2
	Hiếm khi	24	2,1
	Thi thoảng	212	18,9
	Thường xuyên	490	43,8
	Luôn luôn	369	33,0

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên sử dụng thực phẩm đóng gói là 98,5%. Tỷ lệ sinh viên sử dụng thực phẩm đóng gói hàng tuần chiếm tỷ lệ cao nhất 61,4%. Tỷ lệ sinh viên có thói quen đọc nhãn mác trước khi mua thực phẩm là 80,7%. Tỷ lệ sinh viên thường xuyên ưu tiên mua thực phẩm có nhãn mác là 43,8%, luôn luôn 33,0%, thi thoảng 18,9%.

Bảng 3. Thông tin sinh viên đọc trên nhãn mác thực phẩm (n = 904)

Thông tin	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tên thực phẩm	745	82,4
Ngày sản xuất, hạn sử dụng	761	84,2
Xuất xứ	543	60,1
Thành phần	466	51,5
Giá trị dinh dưỡng	300	33,2
Chất gây dị ứng	169	18,7
Khối lượng tịnh	350	38,7
Hướng dẫn sử dụng, bảo quản	485	53,7
Cơ sở sản xuất, đóng gói, phân phối	307	34,0
Nồng độ cồn (đối với đồ uống)	189	20,9

Nhận xét: Hạn sử dụng là thông tin sinh viên đọc nhiều nhất (84,2%), tiếp đến là tên thực phẩm (82,4%). Chất gây dị ứng là thông tin sinh viên đọc ít nhất chỉ chiếm 18,7%.

Bảng 4. Tần suất đọc những thông tin trên nhãn mác thực phẩm (n = 904)

Thông tin	Không bao giờ n (%)	Hiếm khi n (%)	Thỉnh thoảng n (%)	Thường xuyên n (%)	Luôn luôn n (%)
Tên thực phẩm	2 (0,2)	10 (1,1)	231 (25,6)	342 (37,8)	319 (35,3)
Hạn sử dụng	2 (0,2)	10 (1,1)	285 (31,5)	296 (32,7)	311 (34,5)
Thành phần	30 (3,3)	329 (36,4)	291 (32,2)	184 (20,4)	70 (7,7)
Hướng dẫn sử dụng	7 (0,8)	48 (5,3)	459 (50,8)	289 (32,0)	101 (11,1)
Cách bảo quản	10 (1,1)	177 (19,6)	393 (43,5)	249 (27,5)	75 (8,3)
Xuất xứ	8 (0,9)	210 (23,2)	390 (43,1)	224 (24,8)	72 (8,0)
Chất gây dị ứng	175 (19,4)	318 (35,2)	249 (27,5)	112 (12,4)	50 (5,5)
Khối lượng tịnh	18 (2,0)	179 (19,8)	407 (45,0)	224 (24,8)	76 (8,4)

Nhận xét: Sinh viên thường xuyên/luôn luôn đọc tên thực phẩm, hạn sử dụng (> 50%). Tỷ lệ sinh viên có thói quen đọc các thông tin khác là thấp hơn.

Bảng 5. Tần suất đọc các thông tin dinh dưỡng trên nhãn mác (n = 904)

Thông tin dinh dưỡng	Không bao giờ n (%)	Hiếm khi n (%)	Thi thoảng n (%)	Thường xuyên n (%)	Luôn luôn n (%)
Khẩu phần ăn	241 (26,6)	297 (32,8)	212 (23,5)	111 (12,3)	43 (4,8)
Số lượng khẩu phần	253 (28,0)	293 (32,4)	224 (24,8)	96 (10,6)	38 (4,2)
% giá trị hàng ngày	252 (27,9)	289 (32,0)	225 (24,9)	97 (10,7)	41 (4,5)
Năng lượng	229 (25,3)	294 (32,5)	227 (25,1)	109 (12,1)	45 (5,0)
Protein	236 (26,1)	305 (33,8)	235 (26,0)	87 (9,6)	41 (4,5)
Carbohydrate	236 (26,1)	307 (34,0)	232 (25,7)	88 (9,7)	41 (4,5)
Chất béo	236 (26,1)	304 (33,7)	230 (25,4)	95 (10,5)	39 (4,3)
Chất béo bão hòa	240 (26,6)	307 (34,0)	228 (25,2)	92 (10,2)	37 (4,0)
Natri	245 (27,1)	304 (33,6)	239 (26,4)	84 (9,4)	32 (3,5)
Đường	237 (26,2)	297 (32,9)	227 (25,1)	103 (11,4)	40 (4,4)

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên không bao giờ, hiếm khi đọc các thông tin dinh dưỡng trên nhãn mác thực phẩm là khoảng 60%. Tỷ lệ sinh viên thường xuyên/luôn luôn đọc các thông tin dinh dưỡng là khoảng 15%.

BÀN LUẬN

Việc đọc và hiểu thông tin trên nhãn mác thực phẩm giúp cải thiện sự lựa chọn thực phẩm và tạo thói quen ăn uống lành mạnh cho các cá nhân [3]. Trong số 1.120 sinh viên tham gia nghiên cứu, có 98,5% sinh viên dùng thực phẩm đóng gói, trong đó có 61,4% sử dụng hàng tuần. Nghiên cứu của tác giả Phan Hồng Minh và các cộng sự tiến hành tại 1 số siêu thị lớn ở thành phố Hồ Chí Minh (2010) cũng cho kết quả có 99,8% người tiêu dùng sử dụng thực phẩm đóng gói, trong số đó 48,1% sử dụng ở mức độ thường xuyên [1]. Điều này đã nói lên việc sử dụng thực phẩm đóng gói rất phổ biến với sinh viên nói riêng và người tiêu dùng nói chung do sự tăng trưởng kinh tế, đô thị

hóa, toàn cầu hóa, dẫn đến sự thay đổi trong lối sống cũng như chế độ ăn uống. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tăng tỷ lệ bệnh mạn tính không lây nhiễm. Việc đọc nhãn mác thực phẩm là một trong những giải pháp cải thiện chế độ ăn uống lành mạnh hơn. Nghiên cứu của chúng tôi cho kết quả có 80,7% sinh viên có thói quen đọc nhãn mác trước khi mua thực phẩm. Trong đó, hạn sử dụng là thông tin sinh viên đọc nhiều nhất (84,2%), tiếp đến là tên thực phẩm (82,4%). Thông tin sinh viên đọc ít nhất là chất gây dị ứng (18,7%), nồng độ cồn (đối với đồ uống) (20,9%) và giá trị dinh dưỡng (33,2%). Tần suất đọc các nội dung trên nhãn mác của sinh viên là thường

Bản quyền © 2023 Tạp chí Khoa học sức khỏe

xuyên/luôn luôn đọc tên thực phẩm, hạn sử dụng (> 50%). Sinh viên không bao giờ/hiếm khi đọc tất cả các thông tin dinh dưỡng trên nhãn mác thực phẩm (> 60%). Nghiên cứu của tác giả Malek Mahdavi A và cộng sự (2012) tại Iran cho kết quả tương tự, sinh viên thường xuyên/luôn luôn đọc hạn sử dụng chiếm tỷ lệ cao nhất (84,0%), tiếp đến là hướng dẫn bảo quản (80,8%), hiếm khi/không bao giờ đọc các thông tin về dị ứng, thành phần, giá trị dinh dưỡng trên nhãn mác [8]. Nghiên cứu của tác giả Wojcicki JM năm 2012 trên thanh thiếu niên Hoa Kỳ, họ hiếm khi/không bao giờ đọc các thông tin về thành phần, giá trị dinh dưỡng trên nhãn mác thực phẩm [8]. Nghiên cứu của Phan Hồng Minh và các cộng sự tiến hành tại 1 siêu thị lớn ở thành phố Hồ Chí Minh (2010) cũng cho kết quả hầu hết khách hàng đều đọc nhãn mác trước khi mua thực phẩm chiếm 94,3%. Trong đó, nội dung ngày sản xuất, hạn sử dụng, xuất xứ được khách hàng quan tâm nhiều nhất [1]. Nghiên cứu khác tại Zimbabwe cũng cho kết quả tương tự, 77,2% người tiêu dùng đọc nhãn mác khi mua thực phẩm, trong số đó lý do chính để đọc nhãn mác là mua một sản phẩm thực phẩm lần đầu tiên chiếm 27,8%. Có 23,4% người tham gia coi hạn sử dụng là quan trọng khi mua thực phẩm. Sự quan tâm của hầu hết những người được hỏi là về mức độ chất bảo quản và hóa chất trong bất kỳ loại thực phẩm mà họ mua, chiếm tỷ lệ 16%, tiếp đến là các chất dinh dưỡng chiếm tỷ lệ rất thấp [3]. Nghiên cứu của tác giả Vemula SR và các cộng sự (2015) trên người tiêu dùng tại hai thành phố lớn thuộc Ấn Độ cho kết quả 92,0% người tiêu dùng đọc nhãn mác thực phẩm, trong đó có 40,0% luôn luôn kiểm tra nhãn mác trước khi mua những thực phẩm đóng gói. Nhưng chỉ có 1/5 trong số họ đọc bảng dinh dưỡng. Mỗi quan tâm hàng đầu của họ

về hạn sử dụng (80,0%), thành phần chỉ chiếm 20,0% [10]. Nghiên cứu tiến hành ở tỉnh Chimborazo, Ecuador năm 2016 cho thấy tỷ lệ sử dụng nhãn mác thấp, chỉ 32% ở nhóm phụ nữ Tây Ban Nha và 5% ở nhóm bản địa. Ở cả hai nhóm, lý do chính của việc không đọc nhãn là do không hiểu ý nghĩa của nó [11]. Nghiên cứu cắt ngang của tác giả Pongutta S và cộng sự ở Thái Lan năm 2019 trên 1364 người, chỉ có 11,0% đọc nhãn mác mỗi lần mua thực phẩm, lý do chính là do không hiểu [5]. Nghiên cứu tại Trung Quốc năm 2020 của tác giả Liao Y và cộng sự cho thấy tỷ lệ người xem nhãn dinh dưỡng là 48% [12]. Nghiên cứu tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương của tác giả Văn Quang Tân và cộng sự năm 2018 về tỷ lệ đọc thông tin dinh dưỡng trên nhãn mác thực phẩm đóng gói, đóng hộp và các yếu tố liên quan của bệnh nhân đái tháo đường. Kết quả cho thấy 91,6% đối tượng có đọc nhãn mác thực phẩm khi sử dụng thực phẩm đóng gói. Trong số đó 49,4% đối tượng đọc thông tin dinh dưỡng trên nhãn mác thực phẩm. Những nội dung đối tượng quan tâm khi xem bảng thông tin dinh dưỡng nhiều nhất là đường (27,4%), tinh bột (25,6%). Ở những đối tượng hiếm khi hoặc không bao giờ đọc thông tin dinh dưỡng, có những lý do chính như thường dùng thực phẩm quen thuộc (41,5%) và do sức khỏe tốt nên không quan tâm (24,2%) [13]. Tỷ lệ đọc nhãn mác thực phẩm có sự tương đồng giữa các nghiên cứu với tỷ lệ khá cao, tuy nhiên tỷ lệ đọc các thông tin về thành phần, giá trị dinh dưỡng trên nhãn mác lại rất thấp. Điều này có thể giải thích do kiến thức về đọc nhãn mác của người tiêu dùng còn rất hạn chế, họ chỉ đọc những thông tin dễ hiểu như tên thực phẩm, hạn sử dụng.

Tỷ lệ sinh viên thi thoảng đọc nhãn mác thực phẩm chiếm tỷ lệ cao nhất (48,8%), hiếm khi đọc chiếm 20,2% và luôn luôn đọc

chiếm tỷ lệ thấp (7,5%). Theo tiêu chuẩn đánh giá trong nghiên cứu, sinh viên có thói quen đọc nhãn mác thực phẩm khi thường xuyên hoặc luôn luôn đọc nhãn mác thực phẩm là 30,6%. Nghiên cứu của chúng tôi có kết quả tương đồng với nghiên cứu của tác giả Malek Mahdavi A và cộng sự (2012) trên đối tượng sinh viên tại Iran, có 32,3% luôn luôn hoặc thường xuyên sử dụng nhãn mác thực phẩm [8]. Theo nghiên cứu của tác giả Jiangen Song và các cộng sự ở Trung Quốc năm 2015 cho thấy có 28,7% người tiêu dùng luôn luôn đọc nhãn mác, trong khi đó 59,2% người trả lời là thi thoảng và 12,1% hiếm khi đọc. Thực phẩm được đọc nhiều nhất là sữa (57,5%), tiếp theo là thức ăn cho trẻ sơ sinh (33,3%) [14]. Nghiên cứu của tác giả Al-Barqi R và các cộng sự tại một trường cao đẳng y tế của Ả Rập năm 2020 cho thấy 17,7% những người tham gia nghiên cứu không bao giờ đọc và 16,8% hiếm khi đọc nhãn mác thực phẩm, chỉ có 9,6% cho biết họ luôn sử dụng nhãn mác. Lý do chính của việc không sử dụng nhãn mác được chỉ ra trong nghiên cứu bao gồm không có thời gian (41%), không cần thiết (27,8%), khó hiểu (24,8%) [15]. Nghiên cứu tại Israel của tác giả Shahrabani S và cộng sự năm 2021 cho thấy 59,3% người tham gia luôn luôn hoặc thường xuyên sử dụng thông tin trên nhãn mác thực phẩm, trong khi 22,8% trả lời rằng hiếm khi hoặc không bao giờ sử dụng nhãn mác khi mua thực phẩm [16].

Trong nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ sinh viên thường xuyên ưu tiên mua thực phẩm có nhãn mác là 43,8%, tiếp đến là luôn luôn 33,0%, thi thoảng 18,9%, và sinh viên hiếm khi và không bao giờ ưu tiên mua thực phẩm có nhãn mác chiếm tỷ lệ rất thấp (< 3%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu tại Nam Phi, tác giả Xazela N và các cộng sự (2019) đã triển khai một nghiên cứu

trên những sinh viên đang học tại một trường đại học ở vùng nông thôn. Kết quả cho thấy khi được hỏi về mức độ thường xuyên họ chọn sản phẩm có nhãn mác thay vì sản phẩm không có nhãn mác, 42,0% người được hỏi trả lời đôi khi, 22,0% trả lời không bao giờ, 23,3% cho biết rằng nhãn dinh dưỡng không ảnh hưởng đến lựa chọn của họ, chỉ 9,0% cho biết họ ưu tiên sản phẩm có nhãn mác hơn sản phẩm không có nhãn mác. Có 72,7% sinh viên cho rằng không nên sử dụng những thực phẩm có nhãn mác không đạt tiêu chuẩn [4].

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên có thói quen đọc nhãn mác trước khi mua thực phẩm là khá cao (80,7%), tuy nhiên tỷ lệ sinh viên đọc thông tin dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm là rất thấp, chỉ khoảng 40%. Nhà trường cần thực hiện truyền thông để nâng cao tỷ lệ sinh viên đọc thông tin dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Hồng Minh, Phạm Thị Lan Anh, Trần Ngọc Đăng. Mức độ hiểu biết, sự quan tâm về nhãn mác thực phẩm của khách hàng tại một số siêu thị ở thành phố Hồ Chí Minh, năm 2010. Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh. 2011; 15 (01): 126 - 131.
2. WHO. State of play of WHO guidance on Front-of-the-Pack labelling. Access date 21/12/2021, at website <https://www.who.int/news/item/27-09-2021-state-of-play-of-who-guidance-on-front-of-the-pack-labelling>. 2021.
3. Chopera P, Chagwena DT, Mushonga NG. Food label reading and understanding in parts of rural and urban Zimbabwe. Afr Health Sci. 2014; 14 (3): 576 - 584.
4. Xazela N, Chinyamurindi WT, Shava H. The relationship between nutrition reading and label use and nutrition knowledge amongst a sample of rural youth studying at a university in South Africa. Health SA. 2019; 24: 1320.

5. Pongutta S, Tantayapirak P, Paopeng C. Packaged food consumption and understanding of front-of-pack labels in urban Thailand. *Public Health*. 2019; 172: 8 - 14.
6. Phạm Bích Diệp, Trần Phương Thảo, Nguyễn Thị Hồng Diễm và cs. Hiểu biết về nhãn dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của khách hàng 5 tỉnh Việt Nam năm 2019. *Tạp chí y học dự phòng*. 2020; 30 (7): 94.
7. Bryła P. Who Reads Food Labels? Selected Predictors of Consumer Interest in Front-of-Package and Back-of-Package Labels during and after the Purchase. *Nutrients*. 2020; 12 (9): 2605.
8. Malek Mahdavi A, Abdolahi P, Mahdavi R. Knowledge, Attitude and Practice between Medical and Non-Medical Sciences Students about Food Labeling. *Health Promot Perspect*. 2012; 2 (2): 173 - 179.
9. Wojcicki JM, Heyman MB. Adolescent nutritional awareness and use of food labels: results from the National Nutrition Health and Examination Survey. *BMC Pediatr*. 2012; 12: 55.
10. Vemula SR, SGavaravarapu SM, Mendu VV, et al. Use of food label information by urban consumers in India - a study among supermarket shoppers. *Public Health Nutr*. 2014; 17 (9): 2104 - 2114.
11. Orozco F, Ochoa D, Muquinche M, et al. Awareness, Comprehension, and Use of Newly-Mandated Nutrition Labels Among Mestiza and Indigenous Ecuadorian Women in the Central Andes Region of Ecuador. *Food Nutr Bull*. 2017; 38 (1): 37 - 48.
12. Liao Y, Huang J, Duan X, et al. Survey on the behavior and attitude of nutrition labels by Chengdu fast food and light meal takeaway merchants. *Wei Sheng Yan Jiu*. 2020; 49 (6): 902 - 907.
13. Văn Quang Tân, Huỳnh Thị Thu Hằng, Lương Trung Hiếu và cs. Tỷ lệ đọc thông tin dinh dưỡng trên nhãn mác thực phẩm đóng gói, đóng hộp và các yếu tố liên quan của bệnh nhân đái tháo đường tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương năm 2018. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2018; 487 (2020): 91 - 103.
14. Song J, Huang J, Chen Y, et al. The understanding, attitude and use of nutrition label among consumers (China). *Nutr Hosp*. 2015; 31 (6): 2703 - 2710.
15. Al-Barqi R, Al-Salem Y, Mahrous L, et al. Understanding barriers towards the use of food labels among Saudi female college students. *Malaysian Journal of Nutrition*. 2020; 26 (1): 19 - 30.
16. Shahrabani S. Determinants of Israeli consumers' decision to use food label information more frequently: a national survey study. *Isr J Health Policy Res*. 2021; 10 (1): 25.